

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 9 - 2022

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công.

2. Ông Đặng Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố 6, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Anh Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố 6, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà H và ông Đ chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 1995 tại UBND phường L, thành phố B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên do ông Đ hay uống rượu say về nhà kiểm chuyện hành hung đánh vợ con, không quan tâm đến công việc và gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung Phạm Đăng K sinh năm 1997 và Phạm Trần Minh N, sinh năm 2000 đều đã đủ 18 tuổi không bị bệnh bẩm sinh, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản khai ngày 07/9/2022, bị đơn ông Phạm Anh Đ trình bày:*

Ông Đ thống nhất với bà H về thời gian chung sống cũng như điều kiện kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng cách nay khoảng 2-3 năm, do ông làm ăn thua lỗ, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau. Tuy vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế nợ nần nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung như bà H trình bày, đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Các đương sự đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Căn cứ hồ sơ vụ án, bà H và ông Đ kết hôn hợp pháp, ông Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình và không quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Đ.

+ Về con chung: Bà H, ông Đ có 2 con chung Phạm Đăng K sinh năm 1997 và Phạm Trần Minh N, sinh năm 2000 đều đã đủ 18 tuổi không bị bệnh bẩm sinh, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Trần Thị H và ông Phạm Anh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B nên hôn nhân giữa bà H, ông Đ là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy, bà H cho rằng ông Đ thường hay uống rượu say về đánh vợ con và không quan tâm đến công việc, gia đình dẫn đến gây gổ cãi nhau. Hiện không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ; ông Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh về kinh tế gia đình và hiện vẫn còn chung sống với nhau nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông Đ thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ kinh tế gia đình dẫn tới thường xuyên gây gổ cãi nhau và vợ chồng cũng không còn quan tâm gì đến nhau, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông

báo cho ông Đ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt, do đó Tòa án không thể hòa giải các đương sự. Bà H xác định hiện không còn tình cảm với ông Đ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông Đ.

[2] Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là Phạm Đăng K, sinh năm 1997 và Phạm Trần Minh N, sinh năm 2000 đều đã trên 18 tuổi không bị bệnh bẩm sinh, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Anh Đ.

- Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Phạm Anh Đ có 02 con chung là Phạm Đăng K, sinh năm 1997 và Phạm Trần Minh N, sinh năm 2000 đều đã đủ 18 tuổi không bị bệnh bẩm sinh, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004552 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố B. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND P. L;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Thức